

Bản án số: **62**/2026/DSST

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

V/v: *Đòi tài sản (tiền)*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Phương**

- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hứa Như Lanh.**

Bà Phan Thị Thủy Tiên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **chị Phạm Hằng Nga** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Hà Nội tham gia phiên Tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Chiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2811/2025/TLST- DS ngày 02/12/2025 về việc: “*Đòi tài sản (tiền)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXX-DS ngày 17 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐHPT-DS ngày 06 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Đào Viết H**, sinh năm 1962; CCCD: 030062018361; Nhân khẩu thường trú: Số B P, phường B, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Số I N, phường B, thành phố Hà Nội; (có mặt)

- **Bị đơn: Chị Nguyễn Diệu L**, sinh năm 1994; CCCD: 001194035620. Nơi ở hiện nay: số B gác D N, phường T, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Xuân L1**, sinh năm 1994; CCCD: 033094006174; Nhân khẩu thường trú: Số B P, phường B, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Số I N, phường B, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2025, bản tự khai và các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông có con trai là Đào Xuân L1 sinh năm 1994, L1 có quen biết tìm hiểu, phát sinh tình cảm nam nữ và có ý định tiến đến hôn nhân với chị Nguyễn Diệu L - sinh năm 1994, việc hai cháu tự nguyện tìm hiểu còn được sự đồng ý của gia đình hai bên, mẹ chị L là bà Ngô Thị D đề xuất với gia đình ông cho hai cháu sống thử dưới nhà bà D khoảng 3 năm.

Vào cuối tháng 6 năm 2022, chị L có nói với vợ chồng ông cần tiền để mua nhà ở riêng, chuẩn bị cho đám cưới, sau này ổn định sẽ trả lại cho ông bà sau. Do tin tưởng và cũng được mẹ chị L là bà Ngô Thị D đứng ra đảm bảo là “gia đình này là gia đình văn hóa có ăn có học nên bố mẹ L1 cứ yên tâm” nên ông đã chuyển tiền cho chị L vay mượn, cụ thể:

- Ngày 12/07/2022 ông giao cho con trai út của ông là cháu Đào Văn B, sinh năm 2001; CCCD: 033201008391; SĐT: 0966214262. Cháu B có chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 (M) 04 lần (mỗi lần chuyển 500.000.000 đồng). STK người gửi: 19036980112018 (T), STK người nhận: 666699889 (M), nội dung chuyển khoản ghi: “BAO CHUYEN” do L hướng dẫn qua điện thoại, tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai tỷ đồng*).

- Ngày 16/9/2022 ông tiếp tục giao cho con trai là Đào Văn B chuyển khoản 04 (mỗi lần chuyển 500.000.000 đồng) vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 (M) tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai tỷ đồng*). STK người gửi: 19036980112018 (T), STK người nhận: 666699889 (M), nội dung chuyển khoản ghi: “ME HOANG ANH CK” cũng do L hướng dẫn qua điện thoại.

- Ngày 18/12/2022 ông Đào Viết H chuyển khoản 01 lần vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 (M) số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). STK người gửi: 0011004389952 (V), STK người nhận: 666699889 (M), Nội dung chuyển khoản ghi: "DAO VIET HUNG chuyen tien".

Tổng số tiền đã chuyển khoản vào tài khoản chị L là: 4.400.000.000 đồng (*bằng chữ: bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*) Các lần chuyển tiền này chị L đều nói, hỏi ông là vay để mua nhà, chuẩn bị cho việc hai cháu làm đám cưới. Do là chỗ quen biết lâu năm lại có phụ huynh là mẹ của L đứng ra đảm bảo nên gia đình đồng ý và khi cho vay ông không yêu cầu làm hợp đồng ký nhận mà chỉ ra ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của chị L mở tại M, cũng không tính lãi và cũng chỉ ghi nhận lời chị L nói là khi nào có tiền sẽ trả lại cho ông.

Sau khi nhận được số tiền do vợ chồng ông chuyển khoản, chị L đã mua căn hộ chung cư vào ngày 29/10/2022 tại địa chỉ: căn hộ A tòa S (Tòa NO3) số D N, phường T, quận T (cũ), thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, chị L lúc này lại trì hoãn và sau đó tìm lý do không làm đám cưới với con trai ông nữa, đã đuổi con trai ông ra khỏi căn hộ và đã bán căn hộ trên vào ngày 13/11/2023. Ôngchị đã liên hệ, tìm gặp chị L và cả mẹ chị L để nói chuyện người lớn và yêu cầu chị L trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng chị L tìm nhiều lý do để trốn tránh, từ bỏ nghĩa vụ thanh toán khoản vay. Do vậy, đến nay gia đình ông chưa nhận lại được bất kỳ khoản tiền nào từ chị L.

Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông đã làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Ông yêu cầu chị Nguyễn Diệu L phải trả lại số tiền 4.400.000.000 đồng (*bằng chữ: bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*)

Năm 2023 gia đình ông có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân quận T, trung tâm hòa giải đã tiến hành hòa giải gọi ôngchị lên làm việc nhưng không thành nên ông mới được thẩm phán cho chụp được thư phản hồi ngày 15/3/2024 của chị Nguyễn Diệu L. Trong thư phản hồi chị L trình bày có nhận 4.000.000.000 của gia đình ông nhưng đã chi tiêu hết trong thời gian quen nhau và chung sống với nhau. Còn trong các buổi làm việcchị L không đến Tòa làm việc chỉ ủy quyền cho luật sư là ông Chu Văn K. Ông đề nghị Tòa án sao chụp lại hồ sơ trung tâm hòa giải để có căn cứ giải quyết cho ông. Hiện nay chị L đã chuyển đi nơi khác sinh sống, gia đình ông tìm mọi cách liên lạc nhưng không tìm được chị L.

Gia đình ông xác nhận dù sao chị L và con trai ông cũng từng có thời kỳ yêu thương chung sống với nhau, các cháu không đến được với nhau cũng là do không hợp, nay các cháu chia tay ông tự nguyện hỗ trợ cho chị L 1.000.000.000 đồng. Yêu cầu chị L phải trả cho ông 3.400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- anh Đào Xuân L1 trình bày:
Năm 2019 anh có quen biết tìm hiểu, phát sinh tình cảm nam nữ và có ý định tiến đến hôn nhân với chị Nguyễn Diệu L - sinh năm 1994, CCCD: 001194035620, anh chị tự nguyện tìm hiểu còn được sự đồng ý của gia đình hai bên. Anh chị yêu nhau được 3 năm thì tính đến chuyện cưới xin nên anh và chị L thống nhất sống chung tại nhà bố mẹ đẻ của chị L. Thời điểm chung sống với L, anh có đi làm tại các công ty tư nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng. Hằng tháng, anh vẫn chuyển khoản tiền lương cho L vào tài khoản M của L và đưa cả tiền mặt cho chị L tiêu.

Vào cuối tháng 6 năm 2022, anh chị có bàn tính chuyện mua nhà do chưa có tài chính nên anh chị có bàn với bố mẹ làchị Lê Hoàng A và ông Đào Viết H và đề nghị bố mẹ anh cho anh chị vay tiền, khi nào ổn định, có đủ tài chính sẽ trả lại cho bố mẹ sau. Mẹ của chị L làchị Ngô Thị D đứng ra đảm bảo với bố mẹ anh là “gia đình này là gia đình văn hóa có ăn có học nên bố mẹ L1 cứ yên tâm”, L cũng đảm bảo với anh vay tiền bố mẹ đến khi có điều kiện sẽ thu xếp để trả nên bố mẹ anh đã chuyển tiền cho chị L vay, cụ thể:

- Ngày 12,13/07/2022 ông H giao cho anh Đào Văn B chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 04 lần (mỗi lần chuyển 500.000.000 đồng). STK người gửi: 19036980112018 (T), STK người nhận: 666699889 (M), nội dung chuyển khoản ghi: “BAO CHUYEN” do L hướng dẫn qua điện thoại, tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai tỷ đồng*).

- Ngày 16/9/2022 ông H tiếp tục giao cho anh Đào Văn B chuyển khoản 04 lần (mỗi lần chuyển 500.000.000 đồng) vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 (M) tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai tỷ đồng*). STK người gửi: 19036980112018 (T), STK người nhận: 666699889 (M), nội dung chuyển khoản ghi: “ME HOANG ANH CK” cũng do L hướng dẫn qua điện thoại.

- Ngày 18/12/2022 ông Đào Việt H chuyển khoản 01 lần vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 (M) số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). STK người gửi: 0011004389952 (V), STK người nhận: 666699889 (M), Nội dung chuyển khoản ghi: "DAO VIET HUNG chuyen tien".

Tổng số tiền đã chuyển khoản vào tài khoản chị L là: 4.400.000.000 đồng (*bằng chữ: bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Sau khi nhận được số tiền do bố mẹ anh chuyển khoản, chị L đã mua căn hộ chung cư vào ngày 29/10/2022 tại địa chỉ: căn hộ A tòa S (Tòa nhà N) số D N, phường T, quận T (cũ), thành phố Hà Nội. Lúc mua một mình chị L đứng tên mua, do tin tưởng nên anh cũng không yêu cầu được đứng tên trong cùng hợp đồng mua bán nhà. Sau khi mua nhà, anh chị về ở đấy được khoảng 8 tháng. Sau đấy chị L bắt đầu trì hoãn đám cưới và sau đó tìm lý do không làm đám cưới với anh nữa, đã đuổi anh ra khỏi căn hộ và đã bán căn hộ trên vào ngày 13/11/2023. Gia đình anh đã liên hệ, tìm gặp chị L và cả mẹ chị L để nói chuyện người lớn và yêu cầu chị L trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng chị L tìm nhiều lý do để trốn tránh, từ bỏ nghĩa vụ thanh toán khoản vay. Chị L đã chặn liên lạc với gia đình anh. Hiện nay chị L chuyển đi đâu sinh sống anh không biết. Bố mẹ anh đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân – Hà Nội. Thời điểm Trung tâm hòa giải quận T giải quyết, chị L có trình bày số tiền trên chị L đã sử dụng để duy trì cuộc sống, chi trả phí sinh hoạt cho anh trong suốt 05 năm quen biết và sống chung với nhau, anh khẳng định điều này không đúng. Anh cam đoan không có việc đẩy vì thời điểm đấy anh vẫn đi làm và có thu nhập ổn định hàng tháng. Anh đã cung cấp toàn bộ sao kê của anh từ tài khoản ngân hàng V1 số tài khoản 199099639 có thể hiện anh đã chuyển cho chị L 735,660,000 đồng vào tài khoản M số 666699889 của L. Lý do bố mẹ anh chuyển tiền cho chị L vay mà không cần bất kì giấy tờ gì là do bố mẹ anh nghĩ chị L sẽ là con dâu trong gia đình. Nay có việc bố anh khởi kiện, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc chị L phải trả lại cho bố mẹ anh 4.400.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*).

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn –chị Nguyễn Diệu L mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, không có đơn phản tố cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

*Xác minh tại Công an phường T cung cấp:*chị Nguyễn Diệu L, sinh năm 1994; CCCD: 001194035620. Có đăng ký thường trú tại: số B ngách D N, phường T thành phố Hà Nội nhưng hiện nay không ăn ở sinh sống tại địa chỉ trên, chị L chuyển đi đâu không xác định được.

Tòa án đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không có thông tin của chị Nguyễn Diệu L

Xác minh tại Văn Phòng C1 cung cấp: Ngày 29/10/2022, theo yêu cầu công chứng của chị Ngô Thị Lan Q, V2 đã công chứng Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số công chứng: 11784 Quyển số: 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD giữa Bên bán là ông Phạm Duy K1, chị Ngô Thị Lan Q và Bên mua là chị Nguyễn Diệu L. Tài sản theo hợp đồng này là Căn hộ chung cư số 11A12 Tòa nhà S (Tòa nhà N) tại địa chỉ: Ô đất NO3, Nhà ở cao tầng, số D N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 868119; Số vào sổ cấp GCN: CS 51514 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 29/09/2022.

Xác minh tại văn phòng C2: Ngày 13/11/2023, V3 đã công chứng Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số công chứng: 4669/HĐMB, Quyển số: 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD giữa Bên bán là chị Nguyễn Diệu L và Bên mua là ông Nguyễn Viết C. Tài sản theo hợp đồng này là Căn hộ chung cư số 11A12 Tòa nhà S (Tòa nhà N) tại địa chỉ: Ô đất NO3, Nhà ở cao tầng, số D N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 868119; Số vào sổ cấp GCN: CS 51514 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 29/09/2022.

Xác minh sao kê tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 cung cấp: Số tài khoản 666699889 là của chị Nguyễn Diệu L. Từ ngày 01/01/2022 đến 01/9/2023 chị Nguyễn Diệu L đã nhận tiền từ tài khoản của ông Đào Viết H, anh Đào Văn B cụ thể: Ngày 12,13/7/2022 Đào Văn B đã chuyển 4 lệnh chuyển tiền từ tài khoản T đến số tài khoản chị Nguyễn Diệu L với số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 19/9/2022 Đào Văn B đã chuyển 4 lệnh chuyển tiền từ tài khoản T đến số tài khoản chị Nguyễn Diệu L với số tiền 2.000.000.000 đồng. Ngày 19/12/2022 ông Đào Viết H chuyển khoản 01 lệnh vào tài khoản của Nguyễn Diệu L tại ngân hàng Q1 số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra từ 01/01/2022 đến 01/9/2023 anh Đào Xuân L1 đã chuyển khoản cho chị Nguyễn Diệu L từ nhiều số tài khoản khác nhau của anh L1 đến số tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Q1 của chị L với số tiền hơn 900.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại trung tâm hòa giải Tòa án quận Thanh Xuân thể hiện: Năm 2022 bà Lê Hoàng A (vợ ông H) có khởi kiện đòi số tiền 4.400.000 đồng đối với chị Nguyễn Diệu L, tại trung tâm hòa giải chị L có thư phản hồi với nội dung: “Tôi chưa bao giờ vay tiền của bà Nguyễn Hoàng A1, chưa từng đặt vấn đề hỏi hay có ý mượn tiền. Do tôi và anh Đào Xuân L1 (con trai của chị Nguyễn Hoàng A1) có mối quan hệ bạn bè yêu đương có xác định tiến tới hôn nhân từ năm 17/1/2019 đến 18/09/2023. Anh L1 thường xuyên qua lại nhà tôi và đã chuyển hẳn đến nhà tôi sinh sống từ năm 2020 trong khi anh L1 hoàn toàn không có nghề nghiệp và công ăn việc làm ổn định. Chúng tôi đã

chung sống như 2 vợ chồng cùng gia đình tôi và chưa đăng ký kết hôn. Toàn bộ cuộc sống của tôi và anh L1 khi bắt đầu yêu và khi sinh sống cùng gia đình tôi hoàn toàn do tiền của tôi đi làm kiếm được và tiền của tôi vay mượn từ bạn bè, ngân hàng và từ mẹ tôi chu cấp bồi dưỡng để duy trì cuộc sống của 2 chúng tôi. Cụ thể chi phí trong những năm yêu nhau như sau :

- Năm 2019: 116.000.000 đồng
- Năm 2020 : 574.000.000 đồng
- Năm 2021 : 1.390.000.000 đồng
- Năm 2022 : 5.495.000.000 đồng
- Năm 2023 : 1.112.000.000 đồng

Thời điểm 12/07/2022 và 16/9/2022 chị H1 có thông qua con trai là anh Đào Văn B để chuyển cho chúng tôi thông qua tài khoản của tôi với tổng cộng số tiền là: 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng)

Thời điểm 18/12/2022 Ông Đào Viết H đã thông qua tài khoản của tôi để chuyển cho anh Đào Xuân L1 vay 400.000.000 đồng mục đích để anh L1 chi tiêu cá nhân và góp tiền chi trả các chi phí cho cuộc sống chuẩn bị hôn nhân với tôi.

Việc bà Hoàng A1 chuyển tiền cho hai chúng tôi mục đích theo lời chị Hoàng A1 nói là để cho chúng tôi trang trải cuộc sống từ trước tới nay (vì anh Đào Xuân L1 không có việc làm mọi chi tiêu sinh hoạt cuộc sống hàng ngày đều dựa vào gia đình tôi) và để hai chúng tôi chuẩn bị cho hôn nhân. Khi chúng tôi có quan hệ tình cảm thì bà Hoàng A1 coi tôi như con và biết việc anh L1 chuyển đến sinh sống ở nhà tôi hoàn toàn nên chuyển tiền để chu cấp và duy trì cuộc sống. Trong khoản tiền này thì tôi và anh L1 đã chi 517.000.000 đồng để chuẩn bị cho lễ cưới (bao gồm chụp ảnh cưới, mua sắm trang phục, mua nhẫn cưới, mua nhẫn cầu hôn, làm lễ cúng tiền căn theo yêu cầu của bà Hoàng A1, thuê chỗ ở, phương tiện di chuyển và chi tiêu trong khoảng thời gian chụp ảnh cưới), khi xảy ra việc khiến tôi và anh L1 không thể thực hiện đám cưới là lỗi do anh L1 chứ không phải lỗi do tôi. Việc tiến đến hôn nhân cũng do tôi và gia đình tôi đề nghị và thúc giục nhiều lần từ năm 2021 tuy nhiên đến 2023 vẫn chưa thể tiến hành do anh L1 nhiều lần trì hoãn. Số tiền bà Hoàng A1 chuyển cho tôi đã sử dụng để duy trì cuộc sống chi trả cho chi phí sinh hoạt, ăn uống, mua sắm, du lịch nghỉ dưỡng 5 sao, tiếp khách, quà cáp cho 2 bên gia đình mỗi dịp lễ tết, trả nợ cho anh L1, chuẩn bị cho công việc của anh L1 từ trước đến nay và để trừ cho những khoản đã vay mượn để trang trải cho tôi và anh L1. Trong số tiền của tôi có cả khoản tiền tôi đã dùng để mua căn hộ tại địa chỉ D N, sau khi không có nhu cầu sử dụng nữa nên tôi đã bán đi. Thực tế số tiền tôi nhận từ bà Hoàng A1 là 4.000.000.000 đồng, nhưng đã chi hết 8.687.000.000 đồng trong suốt 5 năm chúng tôi quen nhau và chung sống với nhau vẫn còn thiếu nếu so với tổng chi phí trong cuộc sống. Vì vậy việc bà Nguyễn Hoàng A1 viết đơn khởi kiện với nội dung trong đơn cho tôi vay là hoàn toàn không đúng sự thật và yêu cầu tôi thanh toán số tiền 4.400.000.000 đồng là không có căn cứ”

***Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc bị đơn trả số tiền 3.400.000.000 đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù đã được triệu tập hợp lệ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:** Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .
- Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền : Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn hoàn trả số tiền đã nhận, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường T, thành phố Hà Nội nên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn chị Nguyễn Diệu L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 170, 171, 173 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không

tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng của các bên.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án chỉ xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3] Về việc giao nhận tiền giữa các bên: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sao kê từ Ngân hàng TMCP Q1 của chị Nguyễn Diệu L, sao kê từ ngân hàng T của anh Đào Văn B, sao kê từ ngân hàng V của ông Đào Viết H, thể hiện các giao dịch chuyển tiền từ ông Đào Viết H và anh Đào Văn B vào tài khoản của chị Nguyễn Diệu L với tổng số tiền 4.400.000.000 đồng; Lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với chứng từ ngân hàng. Văn bản phản hồi của bị đơn tại Trung tâm hòa giải thể hiện bị đơn thừa nhận đã nhận 4.000.000.000 đồng; Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn đã nhận số tiền tối thiểu là 4.000.000.000 đồng và trên thực tế là 4.400.000.000 đồng từ nguyên đơn.

[4] Về bản chất pháp lý của giao dịch:

Xét việc các bên không lập hợp đồng bằng văn bản, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ cụ thể, tuy nhiên: Việc chuyển tiền được thực hiện nhiều lần, số tiền lớn, có mục đích rõ ràng là để mua nhà, chuẩn bị hôn nhân; Bị đơn trực tiếp nhận tiền và sử dụng số tiền đó để mua căn hộ đứng tên cá nhân; Các bên đều có nhận thức về nghĩa vụ hoàn trả khi có điều kiện; Do đó, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, có đủ cơ sở xác định đây là giao dịch dân sự có nghĩa vụ hoàn trả tài sản, về bản chất là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Trong mọi trường hợp, kể cả khi không coi là hợp đồng vay, thì bị đơn vẫn phải hoàn trả theo Điều 166 Bộ luật Dân sự. Việc các bên không lập thành văn bản không làm vô hiệu giao dịch theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn; trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, nên phát sinh quyền khởi kiện.

[5] Đánh giá ý kiến phản hồi của bị đơn: Bị đơn cho rằng số tiền nhận được là để chi tiêu sinh hoạt chung, không phải tiền vay. Tuy nhiên: Toàn bộ các

khoản tiền tổng cộng 4.400.000.000 đồng đều được chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của ông Đào Viết H và người thân của ông vào tài khoản đứng tên chị Nguyễn Diệu L tại Ngân hàng TMCP Q1. Chị L là người duy nhất trực tiếp nhận tiền, quản lý, sử dụng và định đoạt số tiền này, thể hiện qua việc dùng tiền để mua căn hộ đứng tên cá nhân, sau đó chuyển nhượng cho người khác. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại tài liệu thu thập từ Trung tâm hòa giải, chị L cho rằng một phần số tiền là để phục vụ sinh hoạt chung giữa chị và anh Đào Xuân L1 hoặc cho anh L1 sử dụng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Đào Viết H giao tiền trực tiếp cho anh Đào Xuân L1 hoặc xác lập quan hệ vay tài sản với anh L1; toàn bộ dòng tiền đều được chuyển thẳng vào tài khoản của chị L. Việc chị L cho rằng tiền được sử dụng cho sinh hoạt chung hoặc cho anh L1 sử dụng không làm thay đổi bản chất pháp lý của giao dịch, bởi người nhận tiền và chi phối dòng tiền vẫn là chị L. Anh Đào Xuân L1 không có hành vi xác lập nghĩa vụ vay (không ký nhận, không thỏa thuận vay, không trực tiếp nhận tiền), đồng thời nguyên đơn cũng không yêu cầu anh L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đây là khoản tài trợ, cho tặng hoặc chi phí sinh hoạt chung theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không có tài liệu thể hiện nguyên đơn từ bỏ quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự; Giữa bị đơn và anh L1 chưa đăng ký kết hôn, các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng và cũng chưa có căn cứ pháp lý để hình thành tài sản chung. Quan hệ tình cảm giữa bị đơn và anh L1 không làm phát sinh mặc nhiên nghĩa vụ tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Việc chị L sử dụng tiền để mua tài sản đứng tên cá nhân và sau đó bán đi thể hiện ý chí chiếm hữu, sử dụng tài sản riêng, không phải tài sản chung của hai bên; Lời trình bày của chị L tại Trung tâm hòa giải có mâu thuẫn nội tại (vừa thừa nhận nhận tiền, vừa phủ nhận nghĩa vụ trả) nên không có giá trị chứng minh

Bị đơn trình bày tại tài liệu thu thập từ Trung tâm H rằng trong thời gian quen biết và chung sống, anh Đào Xuân L1 không có công việc, không có thu nhập ổn định, toàn bộ chi phí sinh hoạt do bị đơn chi trả, qua đó nhằm lý giải việc số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn là để bù đắp chi phí sinh hoạt chung, không phải nghĩa vụ vay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng của anh Đào Xuân L1 thể hiện, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, anh L1 đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của chị Nguyễn Diệu L với tổng số tiền hơn 900.000.000 đồng; Việc một cá nhân thực hiện các giao dịch chuyển tiền với tổng giá trị lớn, liên tục trong một khoảng thời gian dài là dấu hiệu khách quan chứng minh có nguồn thu nhập thực tế, trái với nội dung bị đơn trình bày rằng anh L1 không có công việc và hoàn toàn phụ thuộc tài chính; Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc toàn bộ chi phí sinh hoạt của hai người do bị đơn chi trả hoặc chứng minh việc số tiền

nguyên đơn chuyển là nhằm mục đích bù đắp nghĩa vụ tài chính thay cho anh L1; Lời khai của bị đơn có sự mâu thuẫn nội tại: một mặt cho rằng bản thân phải chi trả toàn bộ chi phí, mặt khác lại thừa nhận có nhận số tiền lớn từ gia đình anh L1; tuy nhiên không chứng minh được mối liên hệ hợp lý giữa các khoản tiền này với nghĩa vụ chi tiêu chung; Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Lời trình bày của bị đơn về việc anh Đào Xuân L1 không có thu nhập, toàn bộ chi phí sinh hoạt do bị đơn chi trả là không phù hợp với chứng cứ khách quan trong hồ sơ vụ án, không có giá trị chứng minh và không được chấp nhận. Đồng thời, việc anh L1 có thu nhập và có chuyển tiền cho bị đơn càng cho thấy: Không có căn cứ xác định khoản tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn là nhằm “nuôi dưỡng”, “chu cấp” hay bù đắp nghĩa vụ tài chính cho anh L1, mà bản chất vẫn là khoản tiền bị đơn trực tiếp nhận và phải chịu trách nhiệm hoàn trả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ý kiến của chị L là không có căn cứ pháp lý và không được chấp nhận

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý vững chắc để xác định: Việc nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn là giao dịch vay tài sản hợp pháp; Bị đơn đã nhận tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả; Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán 4.400.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật cần được chấp nhận toàn bộ. Theo nguyên tắc của pháp luật dân sự, người nhận tiền phải có nghĩa vụ chứng minh căn cứ hợp pháp để không phải hoàn trả; nếu không chứng minh được thì phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tài sản đã nhận. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không chỉ bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp theo Điều 32 Hiến pháp năm 2013 mà còn đảm bảo nguyên tắc thiện chí, trung thực trong giao dịch dân sự theo Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về số tiền phải thanh toán: Nguyên đơn ban đầu yêu cầu bị đơn trả 4.400.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa đã tự nguyện hỗ trợ bị đơn 1.000.000.000 đồng, chỉ yêu cầu thanh toán 3.400.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật, phù hợp nguyên tắc tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ trả tiền và lãi suất: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên không đặt ra việc tính lãi trong giai đoạn trước khi xét xử. Tuy nhiên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đối với số tiền 3.400.000.000 đồng là 100.000.000 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi năm 2025

-Điều 166, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015

- ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Viết H.

2. Buộc chị Nguyễn Diệu L phải thanh toán cho ông Đào Viết H số tiền: 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm triệu đồng*).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 , thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Bị đơn -bà Nguyễn Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Cục THADS QTP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.



**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương

